

Mối quan hệ giữa Tổng thống và báo chí tại Hoa Kỳ trong thế kỷ 20

ThS. DƯƠNG QUỐC BÌNH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: jamesduongphoto@gmail.com

Nhận ngày 28 tháng 1 năm 2024; chấp nhận đăng tháng 3 năm 2024.

Tóm tắt: Nền báo chí - truyền thông Hoa Kỳ có truyền thống lịch sử lâu đời, dày dặn cả về lý luận lẫn thực tiễn dựa trên sự phát triển về khoa học công nghệ, có thể làm tham khảo cho nhiều quốc gia. Mối quan hệ giữa Tổng thống và báo chí tại Hoa Kỳ có tính chất phức tạp, trải qua nhiều biến động trong tiến trình lịch sử, đặc biệt tại thế kỷ 20. Do đó, đây là vấn đề cần được nghiên cứu, làm rõ, góp phần tăng cường hiểu biết giữa hai quốc gia Việt Nam - Hoa Kỳ, đóng góp vào kho tàng tri thức báo chí - truyền thông và chính trị.

Từ khóa: báo chí, mối quan hệ giữa Tổng thống và báo chí, quản lý báo chí.

Abstract: The press-communication system in the United States has a long-standing historical tradition and a rich theoretical, practical foundation based on the development of science and technology, which can serve as a reference for many countries. The relationship between US Presidents and the press is complex, undergoing many fluctuations throughout its historical process, especially in the 20th century. Therefore, this is an issue that needs to be studied and clarified, contributing to enhancing understanding between the two countries and enriching the knowledge base of press, communication, and politics.

Keywords: press, Presidents-press relationship, press management.

1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Tổng thống Hoa Kỳ vừa là Nguyên thủ quốc gia, Tổng Tư lệnh lực lượng vũ trang và là người đứng đầu cơ quan Hành pháp của nền kinh tế, quân sự, khoa học công nghệ hàng đầu thế giới. Các Tổng thống Hoa Kỳ, dù có thái độ, cách ứng xử khác nhau đối với báo chí, nhưng đều ý thức sâu sắc vai trò, tầm quan trọng của báo chí đối với nền chính trị Hoa Kỳ cũng như đối với sự thành công hay thất bại của cá nhân Tổng thống trong hoạt động tranh cử và triển khai chính sách. Mối quan hệ giữa Tổng thống và báo chí Hoa Kỳ nhận được sự quan tâm sâu rộng trong giới nghiên cứu lý luận chính trị và báo chí - truyền thông với hai nhóm công trình. Thứ nhất, nhóm các công trình nghiên cứu về vấn đề này một cách tổng hợp như các công trình của các giả Essary F.J. (1927), Krock A. (1968), Lippman T. (1977), Marcossan F.I (2016), Reedy E.G. (1976) và Holzer (2021) hoặc một cách đơn lẻ như các công trình của

các tác giả Dallek R. (2005) nghiên cứu trường hợp Tổng thống Lyndon Johnson, Davis S.K (1974) và Lippman T. (1977) nghiên cứu trường hợp Tổng thống Franklin Roosevelt, Sorensen T. (2009) nghiên cứu trường hợp Tổng thống John Kennedy, Thompson S.H. (1973) nghiên cứu trường hợp Tổng thống Richard Nixon. Thứ hai, nhóm các tài liệu lịch sử ghi chép lại hoạt động, các lá thư, các băng ghi âm hội thoại của Tổng thống Hoa Kỳ tại Cơ quan Lưu trữ Hồ sơ Quốc gia và hồi ký của các Tổng thống, các trợ lý Tổng thống, đã được xuất bản. Các công trình này đã tổng hợp, phân tích những dự kiện lịch sử, đánh giá mối quan hệ giữa Tổng thống Hoa Kỳ với báo chí trong thế kỷ 20, cho thấy sự phức tạp không ngừng biến động của vấn đề này. Thế kỷ 20 là giai đoạn thế giới với những sự kiện có sức ảnh hưởng rất lớn và có tác động đến mối quan hệ giữa Tổng thống và báo chí tại Hoa Kỳ. Phương thức tác động đến báo chí của các Tổng thống cũng có sự

thay đổi so với thế kỷ 19, thể hiện ở cách ứng xử của Tổng thống đối với các tờ báo ủng hộ và báo chí đối lập.

2. Mối quan hệ giữa Tổng thống với báo chí tại Hoa Kỳ trong thế kỷ 20

2.1. Nửa đầu thế kỷ 20 (1900 - 1944)

- Bối cảnh Chính trị - xã hội

Sự kiện nổi bật trong giai đoạn này là hai cuộc Đại chiến thế giới và Đại khủng hoảng kinh tế (1929 - 1939). Báo chí tại Hoa Kỳ đang bước vào cuộc cách mạng về quy mô, công nghệ và văn hoá. Máy đánh chữ, điện thoại và máy in chạy bằng điện tham gia vào hoạt động báo chí. Một loại hình báo chí mới ra đời là phát thanh. Sự đối đầu của báo chí đảng phái không còn căng thẳng và quyết liệt như trong thế kỷ 19. Báo chí không còn tập trung thực hiện mệnh lệnh từ các chính trị gia mà tìm cách đi theo dư luận nhiều hơn. Các nhà báo với những câu chuyện khai phá trở nên nổi bật, thay vì các nhà báo có thiên hướng chỉ trích các vấn đề chính trị. Các Tổng thống với phương thức quản lý báo chí bằng quyền lực mềm tỏ ra hiệu quả, thu phục được lòng trung thành của nhiều nhà báo. Ngoài ra, chiến tranh có xu hướng tạo ra hàng rào ngăn cách Tổng thống với báo chí.

- Sự nghiệp của Tổng thống phụ thuộc vào báo chí

Tổng thống Theodore Roosevelt (nhiệm kỳ 1901-1909), lãnh đạo Đảng Cộng hòa, là trường hợp mang tính cách mạng trong mối quan hệ giữa Tổng thống với báo chí. Tổng thống Roosevelt đã xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với báo giới từ buổi đầu trong sự nghiệp chính trị. Khi còn làm trong cơ quan lập pháp tiểu bang New York, ông đã thành công trong việc chống lại dự luật cho phép khiêu khích các tờ báo và nhận được sự tán dương của báo giới. Năm giữ vị trí Giám đốc Cảnh sát New York, ông luôn tạo điều kiện cho các nhà báo hiện diện để chứng kiến các cuộc trấn áp tội phạm. Ở cương vị Thống đốc tiểu bang New York, ông tổ chức hai cuộc họp báo mỗi ngày. Khi trở thành Tổng thống, ông đảm bảo cho các nhà báo được tiếp cận và được cung cấp thông tin đầy đủ. Tổng thống Roosevelt không thu phục báo chí bằng những hợp đồng tài trợ như cách mà Tổng thống Jackson, Tổng thống Lincoln và những người tiền nhiệm. Ông tạo sự chú ý và

ngưỡng mộ của báo giới bằng phong cách sôi nổi, nhiệt huyết của mình. Báo chí còn trở thành phương tiện thực thi chính sách của Tổng thống, như tờ báo McClure thông tin về vấn đề tham nhũng của các tập đoàn kinh tế, tạo ra sự phẫn nộ trong dư luận xã hội, làm tiền đề để Tổng thống Theodore Roosevelt xử lý sai phạm của các quỹ tín thác công nghiệp. Phòng báo chí chính thức đầu tiên của Nhà trắng được thành lập dưới thời Tổng thống Theodore Roosevelt, các nhà báo không còn phải chịu cảnh mưa nắng khi tác nghiệp tại đây.

Tuy nhiên, Tổng thống Theodore Roosevelt cũng có những nguyên tắc riêng. Nếu nhà báo nào đăng tải thông tin mà Tổng thống không mong muốn, người đó sẽ bị loại ra khỏi nhóm nhà báo thân cận. Ngoài ra, báo chí không được phép tiếp cận gia đình Tổng thống. Trong thời kỳ này, nhiếp ảnh báo chí đã định hình và Tổng thống Theodore Roosevelt đã chủ động khai thác loại hình thông tin mới này. Ông sẵn sàng chờ đợi phóng viên ảnh xuất hiện trước khi tiến hành sự kiện. Tổng thống Roosevelt là vị Tổng thống đầu tiên sử dụng báo chí một cách tài tình như: cách dùng báo chí để thăm dò dư luận, chủ động rò rỉ thông tin để cung cấp thông tin dưới dạng không chính thức, che phủ báo chí bằng những câu chuyện đánh lạc hướng sự chú ý của dư luận khỏi những thông tin bất lợi cho ông, tung ra các thông tin vào chiều chủ nhật để bản thân chiếm ưu thế trên báo in vào buổi sáng đầu tiên trong tuần. Tổng thống Theodore Roosevelt còn là tác giả của hơn 190 bài báo, nhiều hơn bất cứ một Tổng thống nào trong lịch sử Hoa Kỳ. Như nhà báo Isaac Marcosson của tạp chí *World's Work* nhận định: "Tổng thống Roosevelt là bậc thầy báo chí của mọi thời đại"⁽¹⁾.

Trưởng thành trong môi trường học thuật, từng là Hiệu trưởng trường Đại học danh tiếng Princeton, Tổng thống Woodrow Wilson (nhiệm kỳ 1913 - 1921), vị Tổng thống thứ 28 của Hoa Kỳ lại có phong cách cẩn trọng và mô phạm, trái ngược hoàn toàn với Tổng thống Theodore Roosevelt. Thay vì xây dựng mối quan hệ thân thiết với các nhà báo, Tổng thống Wilson quản lý báo chí bằng các thiết chế như ban hành các đạo luật và thành lập Ủy ban Thông tin Công cộng (CPI). Trong suốt thời gian cầm quyền, Tổng thống Wilson luôn có mối quan hệ

xa cách với báo chí. Lý do chủ quan có thể là do tính cách của ông. Lý do khách quan được cho là vì Đại chiến thế giới lần thứ nhất. Nhà báo Frederick Essary của tờ Baltimore Sun cho rằng: □Tổng thống Wilson có thành kiến kỳ lạ với báo giới. Mặc dù đã bỏ nhiệm rất nhiều nhà báo vào các vị trí cấp cao trong cơ quan công quyền nhưng ông luôn cảm thấy rằng hầu hết các tờ báo đều có thù địch với ông⁽²⁾. Tổng thống Wilson đã nhiều lần phê phán tình trạng tin giả trong các cuộc họp báo. Khi Hoa Kỳ tham dự vào Thế chiến thứ Nhất, với tư cách là Tổng thống thời chiến, ông không chỉ phớt lờ các nhà báo mà còn hạn chế quyền tự do báo chí thông qua Ủy ban Thông tin Công cộng (CPI) với nhiệm vụ ngăn chặn, kiểm duyệt các thông tin nhạy cảm về cuộc chiến và tuyên truyền tác động dư luận ủng hộ Hoa Kỳ tham chiến. Chính sách và mối quan hệ xa rời với báo chí của Tổng thống Wilson đã ít nhiều làm chia rẽ Đảng Dân chủ của ông, góp phần giúp cho Đảng Cộng hoà thắng lợi trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1920.

Dẫn dắt Hoa Kỳ trong thế chiến thứ hai là Tổng thống Franklin D. Roosevelt - FDR (nhiệm kỳ 1933 -1945), người được coi là cao thủ về quan hệ công chúng. Tổng thống FDR tổ chức các cuộc họp báo định kỳ 2 lần/tuần. Tại những cuộc họp báo này, ông nổi bật với phong cách hóm hỉnh và thân tình. Tổng thống còn thường xuyên mở tiệc chiêu đãi, mở cửa sân tennis cho các nhà báo và thậm chí cùng chơi bóng nước với họ trong khuôn viên Nhà trắng. Có lần, do phải công du cùng Tổng thống, một nhà báo dự định phải hủy bỏ tuần trăng mật, Tổng thống FDR đã sắp xếp để hôn thê của nhà báo đó tham gia cùng chuyến đi. Khi mẹ của một nhà báo khác qua đời, Tổng thống đã trực tiếp gửi lời chia buồn và mời nhà báo đó đến dùng bữa tại Nhà trắng. Arthur Krock, một nhà báo đối lập, viết bài phản đối chính sách đối ngoại, Tổng thống FDR đã mời ông ta đến nhà riêng để trò chuyện thân mật. Kết quả là nhà báo đối lập đã cho ra đời một bài báo viết về □giấc mơ vĩ đại của Tổng thống để ngăn chặn chiến tranh toàn cầu⁽³⁾. Trong các buổi chiêu đãi báo giới, Tổng thống FDR thậm chí còn đọc to các bài báo chỉ trích mình và đưa ra các bình luận hài hước. Một nhà báo đối lập đã nói: □Biết làm gì nữa với một người đàn ông như vậy? Rõ ràng là không thể hạ bệ ông ta⁽⁴⁾.

Năm 1921, ở tuổi 39, FDR mắc chứng bại liệt bán thân. Đội ngũ an ninh đã luôn che chắn hình ảnh Tổng thống ngồi trên xe lăn, thậm chí thu hồi thẻ tác nghiệp của bất cứ nhà báo nào có ý định chụp những bức ảnh đó. Trong suốt sự nghiệp chính trị của mình, ông được báo giới bảo vệ, che đậy tình trạng này. Nhiếp ảnh gia báo chí Sammy Shulman từng nói: □Tổng thống đối xử tử tế với chúng tôi nên chúng tôi cũng cư xử tử tế với ông ấy, hạ thấp uy tín ông ấy trong mắt công chúng là điều không thể chấp nhận được⁽⁵⁾. Có lần một nhà báo đối lập định chụp bức ảnh Tổng thống FDR ngồi trên xe lăn thì đã bị chính các đồng nghiệp xô đẩy và làm rơi máy ảnh⁽⁶⁾.

Thế chiến thứ hai nổ ra đã ít nhiều làm tổn hại mối quan hệ tốt đẹp của Tổng thống FDR với báo chí. Đặc thù của chiến tranh khiến Tổng thống FDR phải thành lập các cơ quan kiểm soát và kiểm duyệt thông tin. Số lượng các cuộc họp báo cũng giảm xuống. Tuy nhiên, loại hình báo chí phát thanh lại bùng nổ. Là Tổng thống đầu tiên sử dụng đài phát thanh, FDR đã tổ chức chương trình phát thanh Fireside Chats (Trò chuyện bên lò sưởi) để truyền thông trực tiếp đến hàng triệu người dân. Các thông điệp của Tổng thống được truyền đạt ngay lập tức đến hàng triệu người dân mà không phải thông qua bộ lọc của các tờ báo có tính đảng phái. Sức lan toả của chương trình này lớn đến mức các đài phát thanh đối lập cũng phải phát sóng, dưới sức ép từ nhu cầu của công chúng. Báo chí trở thành nền tảng để Tổng thống FDR khôi phục niềm tin quốc gia, triển khai các sáng kiến mang tính cách mạng để dẫn dắt Hoa Kỳ vượt qua cuộc Đại khủng hoảng kinh tế và Thế chiến thứ hai.

2.2. Thời kỳ Chiến tranh Lạnh (1945 - 1991)

- Bối cảnh Chính trị - xã hội

□Bức màn sắt□chia đôi thế giới thành hai phe: tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa là sự kiện lớn nhất trong giai đoạn này. Sau Thế chiến thứ hai, Hoa Kỳ có sự tăng trưởng kinh tế phi thường, xã hội sôi nổi nhờ các phong trào công dân, chủ nghĩa nữ quyền và phong trào môi trường trở thành lực lượng chính trị. Báo chí tiếp tục phát triển nhờ sự tiến bộ của khoa học công nghệ, đặc biệt là trong lĩnh vực truyền hình. Hai Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa vẫn tiếp tục thay nhau lãnh đạo. Năm 1949, Ủy ban Truyền

thông Liên bang Hoa Kỳ đã ban hành Học thuyết Công bằng, quy định các cơ quan báo chí phải trình bày các vấn đề gây tranh cãi một cách công bằng thông qua việc đưa tin về các quan điểm trái chiều. Chính sách này đã làm giảm xu hướng phân cực trong báo chí chính trị. Ngoài ra, chiến tranh lạnh đã ít nhiều khiến dư luận Hoa Kỳ đoàn kết hơn để cùng chiến đấu chống lại kẻ thù chung. Dưới áp lực kinh tế, báo chí cạnh tranh để thu hút công chúng, nâng cao vai trò giám sát thay vì làm cơ quan ngôn luận của chính phủ. Báo chí Hoa Kỳ ủng hộ chủ nghĩa tự bản, reo rắc nỗi sợ hãi chủ nghĩa cộng sản nhưng cũng đồng thời làm dấy lên phong trào phản chiến qua những hình ảnh tàn bạo của Quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam và những tác phẩm báo chí điều tra phanh phui bê bối của chính quyền Hoa Kỳ.

- *Báo chí khởi nguồn dư luận xã hội*

Ngôi sao của Đảng Dân chủ, Tổng thống John Kennedy (nhiệm kỳ 1961 - 1963) từng là một nhà báo và có cơ hội tác nghiệp tại một số sự kiện chính trị quan trọng. Kinh nghiệm làm báo này đã giúp ích rất nhiều cho ông trên cương vị Tổng thống Hoa Kỳ trong thời kỳ bùng nổ của truyền hình. Chính loại hình báo chí tiên tiến nhất tại thời điểm đó đã giúp ông chiến thắng trong cuộc tranh cử Tổng thống. Cuộc tranh luận giữa hai ứng cử viên Tổng thống (Kennedy và Nixon) được truyền hình rộng rãi tại Hoa Kỳ. Nhiều tài liệu cho rằng nếu nghe cuộc tranh luận qua đài phát thanh, công chúng cảm giác Nixon vượt trội, nhưng nếu xem trên truyền hình, Kennedy tỏ ra vượt trội hoàn toàn. Đó là do hình thức trẻ trung với phong thái của một diễn viên điện ảnh của vị Tổng thống trẻ nhất Hoa Kỳ. Nhận thức vai trò của truyền hình, Tổng thống Kennedy biến các cuộc họp báo định kỳ thành những buổi truyền hình trực tiếp.

Không chỉ thường xuyên xuất hiện trên màn ảnh TV, Tổng thống Kennedy còn quản lý báo chí ở hậu trường, bằng cách tác động một số tờ báo để không đăng tải thông tin về các chiến dịch tình báo đặc biệt của chính quyền. Khi bị Tạp chí Time chỉ trích về chính sách tài khóa, Tổng thống đã cho điều tra hoạt động tài chính của tạp chí này. Ông còn chỉ đạo FBI nghe lén điện thoại nhà báo Hanson Baldwin⁽⁷⁾. Sau khi bị một nhà báo chất vấn về việc tham chiến tại Việt Nam, Tổng thống đã yêu cầu Tổng Biên tập

điều chuyển công tác nhà báo đó. Tổng thống Kennedy đã bổ nhiệm nhà báo Pierre Salinger vào chức vụ thư ký báo chí, người đã giúp ông thiết lập đường dây nóng với các nhà báo để nhanh chóng cung cấp thông tin. Tổng thống Kennedy đã dặn dò thư ký báo chí của mình: "Luôn luôn nhớ rằng báo chí sớm hay muộn sẽ xung đột lợi ích với chúng ta"⁽⁸⁾. Dù tập trung vào truyền hình nhưng Tổng thống Kennedy vẫn luôn để mắt đến báo in, gần như không bỏ qua bất cứ tờ báo lớn nào, thường xuyên tổ chức các bữa ăn cùng các Tổng Biên tập. Ngoài ra, ông luôn dành sự ưu ái cho các nhà báo nổi tiếng, cho họ quyền tiếp cận đặc biệt, cùng nhau chơi golf, thậm chí còn tham vấn ý kiến họ về một số chính sách.

Phó Tổng thống Lyndon Johnson trở thành Tổng thống thứ 36 của Hoa Kỳ (nhiệm kỳ 1963-1969) sau khi Tổng thống Kennedy bị ám sát. Ý thức được sự khác biệt của bản thân so với người tiền nhiệm, Tổng thống Johnson tổ chức các cuộc họp báo theo cách bất chợt, ngẫu hứng và rất thường xuyên tại trang trại của ông. Ở đó, Tổng thống cùng các nhà báo cưỡi ngựa, nấu ăn, chèo thuyền. Tổng thống sẽ vô cùng phần nộ với các bài báo chỉ trích ông được viết bởi bất cứ nhà báo nào đã tham dự những buổi tụ tập đó⁽⁹⁾. Tổng thống Johnson tỏ ra ngưỡng mộ nhà báo kỳ cựu Walter Lippmann bằng cách đến thăm nhà báo này tại nhà riêng, tặng quà, trao huy chương và đặt tên chính sách nội địa của mình theo tên một cuốn sách của nhà báo Lippmann. Đồng thời, ông tiếp tục sử dụng đội ngũ trợ lý báo chí của cố Tổng thống Kennedy. Tuy nhiên, các trợ lý này "thường xuyên trở thành nạn nhân trong các cơn thịnh nộ của Tổng thống vì đã không thu hút được sự ủng hộ hoàn toàn của báo chí với chính quyền"⁽¹⁰⁾. Đối với ông, báo chí là đầu trường chính trị và quản lý báo chí là tuyên truyền chính sách của chính phủ đến các nhà báo. Sau năm 1965, mối quan hệ giữa Tổng thống Johnson và báo chí rơi vào khủng hoảng khi những hình ảnh đau thương của người dân Việt Nam và tội ác của quân đội Hoa Kỳ được phơi bày trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Giữa lúc phong trào phản chiến bùng nổ, Tổng thống thậm chí còn cho điều tra Morley Safer, nhà báo đã đưa tin về tội ác của quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam. Tiếp tục duy

trì chính sách can thiệp quân sự vào Việt Nam, Tổng thống Johnson đã bị nhiều nhà báo quay lưng, trong đó có cả nhà báo thân thiết Walter Lippmann. Không chỉ các nhà báo mà các tổ chức báo chí cũng lên tiếng chỉ trích Tổng thống Johnson. Tuy nhiên, cũng cần phải thấy rằng, khác với nhiều vị Tổng thống trong lịch sử Hoa Kỳ, Tổng thống Johnson không hề ngăn cản nhà báo tiếp cận cuộc chiến, không hề kiểm duyệt các bài báo, không hề tìm cách đóng cửa các cơ quan báo chí đối lập và cũng không bỏ tù nhà báo nào.

Đại diện Đảng Cộng hòa, Tổng thống Richard Nixon (nhiệm kỳ 1969-1974) không có mối quan hệ tốt đẹp với báo chí. Theo nhà báo Hunter Thompson, □ Tổng thống Nixon ác cảm với báo giới từ sau thất bại trong cuộc tranh cử Thống đốc tiểu bang California năm 1962. Ông hiếm khi tổ chức các cuộc họp báo, gần như không quan hệ trực tiếp với các nhà báo mà chỉ thông qua thư ký báo chí của mình ⁽¹¹⁾. Tháng 6 năm 1972, cảnh sát đã bắt giữ được 5 tên trộm đột nhập vào Văn phòng Đảng Dân chủ tại khu phức hợp Watergate. Vụ bê bối chính trị Watergate bao gồm các hoạt động đánh cắp tài liệu mật và đặt máy nghe lén các thành viên Đảng Dân chủ. Chủ mưu đứng sau vụ trộm này chính là Tổng thống Nixon. Kết quả điều tra của vụ việc này đã bị Tổng thống Nixon che đậy cho đến khi hai nhà báo Bob Woodward và Carl Bernstein của tờ Washington Post công bố năm 1974. Sau đó, Quốc hội đã thành lập ủy ban điều tra độc lập và Tổng thống Nixon, để tránh nguy cơ bị phế truất, đã tuyên bố từ chức ngày 9 tháng 8 năm 1974. Vụ bê bối Watergate đã khiến Tổng thống Nixon là Tổng thống đầu tiên và duy nhất đến thời điểm này phải từ chức.

Tổng thống George H.W Bush (nhiệm kỳ 1989 - 1993) đã chứng kiến sự kết thúc của Chiến tranh lạnh khi Liên bang Xô Viết sụp đổ ngày 31 tháng 12 năm 1991. Khi còn là ứng viên tranh cử Tổng thống, ông đã cắt đứt mối liên lạc với tạp chí Newsweek sau khi ấn phẩm này gọi ông là □ người đàn ông yếu đuối □ trong một bài báo năm 1987. Khi bước vào Nhà trắng, ông tỏ ra là người am hiểu các vấn đề khi tổ chức gần 200 cuộc họp báo mà không cần chuẩn bị trong nhiệm kỳ 4 năm của mình. Tuy nhiên, những khó khăn trong việc điều hành kinh tế và sự

nổi lên của ứng viên Đảng Dân chủ Bill Clinton đã khiến Tổng thống Bush thất bại trong cuộc tranh cử nhiệm kỳ thứ hai.

3. Nhận định về mối quan hệ giữa Tổng thống và báo chí tại Hoa Kỳ trong thế kỷ 20

Thế kỷ 20 chứng kiến một nền báo chí Hoa Kỳ giảm sự phụ thuộc vào các Đảng chính trị hơn so với thế kỷ 19. Sự chuyển biến này xuất phát từ hai nguyên nhân: chính trị và kinh tế. Về chính trị, năm 1949, Ủy ban Truyền thông Liên bang Hoa Kỳ công bố Học thuyết Công bằng, là chính sách yêu cầu các cơ quan báo chí phải trình bày các vấn đề gây tranh cãi theo cách phản ánh công bằng các quan điểm trái ngược nhau. Ngoài ra, chiến tranh lạnh trong thế kỷ 20 đã ít nhiều góp phần thúc đẩy sự đoàn kết trong dư luận Hoa Kỳ, cùng hướng đến mục tiêu chống lại kẻ thù chung. Về kinh tế, thế kỷ 20 chứng kiến dân số tăng trưởng, công nghệ phát triển, công chúng báo chí mở rộng về số lượng, tính cạnh tranh giữa các tờ báo ngày càng gay gắt. Doanh thu đến từ quảng cáo và phát hành vượt trội so với số tiền tài trợ từ các Đảng chính trị. Báo chí buộc phải đưa tin khách quan hơn, đứng ở vị trí trung lập hơn, nhằm mở rộng các kênh phát hành và tuân thủ Học thuyết Công bằng.

Xây dựng và củng cố mối quan hệ với các nhà báo và các cơ quan báo chí thân thiết, các Tổng thống Hoa Kỳ ở thế kỷ 20 có nhiều phương thức khác nhau như tăng cường hoạt động họp báo, đảm bảo báo chí được tiếp cận thông tin đầy đủ, thậm chí Tổng thống còn trực tiếp tham vấn ý kiến các nhà báo trước khi ban hành chính sách. Các Tổng thống tạo ấn tượng tốt đẹp với báo chí bằng phong cách sôi nổi nhiệt huyết như Tổng thống Theodore Roosevelt (nhiệm kỳ 1901 - 1909) hoặc phong cách hóm hỉnh, thân tình như Tổng thống Franklin Roosevelt (nhiệm kỳ 1933 - 1945). Tích cực sử dụng các công nghệ báo chí - truyền thông tiên tiến của thời đại đã giúp ích rất nhiều cho các Tổng thống, như trường hợp Tổng thống Franklin Roosevelt (nhiệm kỳ 1933 - 1945) với chương trình phát thanh và trường hợp Tổng thống John Kennedy (nhiệm kỳ 1961 - 1963) với công nghệ truyền hình. Bên cạnh đó, ứng xử thân tình cũng là phương thức được các Tổng thống thường xuyên sử dụng như cách mà Tổng thống Franklin Roosevelt (nhiệm kỳ 1933 -1945) đã đối

xử chu đáo với gia đình các nhà báo ủng hộ ông. Đáp lại, báo chí đã ủng hộ và bảo vệ Tổng thống như sẵn sàng chụp lại khoảnh khắc Tổng thống Theodore Roosevelt (nhiệm kỳ 1901 - 1909) cưỡi ngựa, không để lọt bất cứ bức ảnh nào Tổng thống Franklin Roosevelt (nhiệm kỳ 1933 - 1945) đang ngồi xe lăn.

Ứng xử với các nhà báo và cơ quan báo chí đối lập lại phức tạp hơn rất nhiều. Không có vị Tổng thống Hoa Kỳ nào hoàn toàn yên lòng với các tờ báo đối lập. Hầu hết các Tổng thống cho rằng các nhà báo đối lập có xu hướng tấn công các chính sách, cố tình hiểu sai động cơ, sự chân thành và làm tổn hại đến danh tiếng của Tổng thống. Tổng thống Theodore Roosevelt (nhiệm kỳ 1901 - 1909) chỉ đạo điều tra nhà báo đối lập Joseph Pulitzer. Cả hai Tổng thống Woodrow Wilson (nhiệm kỳ 1913 - 1921) và Tổng thống Franklin Roosevelt (nhiệm kỳ 1933 - 1945) đều thực thi kiểm duyệt báo chí với lý do đất nước đang ở trong thời kỳ chiến tranh. Tổng thống Richard Nixon (nhiệm kỳ 1969 - 1974) nộp đơn kiện hai tờ báo New York Times và Washington Post.

Ở phía ngược lại, nhiều nhà báo cho rằng, báo chí bảo vệ lợi ích của quốc gia bằng cách vạch trần những sai sót và vi phạm của Tổng thống. Jody Powell (1983), trợ lý báo chí của Tổng thống Jimmy Carter (nhiệm kỳ 1977 - 1981) cho rằng: *“Mối quan hệ giữa báo chí và Tổng thống luôn có vấn đề, không phải vì sự ác ý hay thiên vị của nhà báo, cũng không phải vì Nhà trắng không trung thực. Tình trạng bế tắc kéo dài của mối quan hệ này do cả hai phía đều chịu áp lực của thời gian. Mỗi bên đều phải đưa ra quyết định dựa trên các thông tin không đầy đủ dưới những áp lực đặc thù. Báo chí chịu áp lực kinh tế còn Tổng thống chịu áp lực chính trị”*⁽¹²⁾. Bill Moyers, trợ lý báo chí của Tổng thống Lyndon Johnson (nhiệm kỳ 1963 - 1969) chia sẻ: *“Trách nhiệm của báo chí là tìm kiếm sự thật nhưng nhà báo cũng cần hiểu rằng, Tổng thống không có nghĩa vụ phải cung cấp toàn bộ thông tin cho báo chí”*⁽¹³⁾.

Thế kỷ 20 chứng kiến vai trò to lớn của báo chí trong việc quyết định sự thành bại trong sự nghiệp của Tổng thống. Chú trọng xây dựng mối quan hệ gần gũi, thân tình với báo giới sẽ mang lại thành công như trường hợp Tổng thống Theodore Roosevelt (nhiệm kỳ 1901 - 1909) và Tổng thống

Franklin Roosevelt (nhiệm kỳ 1933 - 1945). Ngược lại, xa cách báo chí có thể đem lại thất bại chính trị như trường hợp Tổng thống Woodrow Wilson (nhiệm kỳ 1913 - 1921) và Tổng thống Richard Nixon (nhiệm kỳ 1969 - 1974). Các Tổng thống hoàn toàn có thể sử dụng báo chí để xây dựng hình ảnh tốt đẹp, khởi nguồn dư luận xã hội để triển khai các chính sách. Đồng thời, thế kỷ 20 đã cho thấy chiến tranh có thể là con dao hai lưỡi đối với mối quan hệ giữa Tổng thống và báo chí. Chiến tranh có thể đoàn kết, tập hợp dư luận trong trường hợp Tổng thống Theodore Roosevelt (nhiệm kỳ 1901 - 1909) và Tổng thống Franklin Roosevelt (nhiệm kỳ 1933 - 1945) nhưng cũng có thể tổn hại danh tiếng và sự nghiệp của Tổng thống Lyndon B. Johnson (nhiệm kỳ 1963 - 1969)/.

(1) Marcossion F.I. (2016), *Adventures in Interviewing*, Wentworth Press.

(2) Essary F.J. (1927), *Covering Washington: Government Reflected to the Public in the Press: 1822-1926*, Houghton.

(3) Krock A. (1968), *Memoirs Sixty Years on the Firing Line*, Frunk & Wagnalls.

(4), (6) Davis S.K. (1974), *Invincible Summer: An Intimate Portrait of the Roosevelts*, based on the recollections of Marion Dickerman, Atheneum.

(5) Lippman T. (1977), *The Squire of Warm Springs*, Simon & Schuster.

(7) Holzer H. (2021), *The Presidents vs. The Press*, Dutton.

(8) Sorensen T. (2009), *Kennedy: The Classic Biography*, Harper Collins.

(9) Reedy E.G. (1976), *The President and the Press: Struggle for Dominance*, Sage.

(10) Dallek R. (2005), *Lyndon B. Johnson: Portrait of a President*, Oxford University Press

(11) Thompson S.H. (1973), *Fear and Loathing on the Campaign Trail '72*, Simon & Schuster

(12) Powell J., Reedy E.G., TerHorst J. (1983), *The Press Secretaries on the Presidency and the Press*, University Press of America.

(13) Moyers B. (1968), *Another Opinion on the Credibility Gap*, New York Times

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tạ Ngọc Tấn (1999), *Cơ sở lý luận báo chí*, Nxb. Văn hoá Thông tin

2. Acosta J. (2019), *The Enemy of the People: A Dangerous Time to Tell the Truth in America*, Harper

3. Bailyn B. (1970), *The Origins of American Politics*, 1st Vintage Book.